TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN PHÚ TÂN,** **TỈNH AN GIANG**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập- Tự do- Hạnh phúc**

Bản án số: 131/2025/ HNGĐ -ST

Ngày: 21 – 3 – 2025

"V/v ly hôn giữa
chị A và anh K"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN PHÚ TÂN, TỈNH AN GIANG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

*Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa:*bà Hồ Thị Kim Phương

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Đặng Anh Đoan

2. Bà Nguyễn Thị Mỹ Thanh

- Thư ký phiên tòa: ông Nguyễn Thái Ngọc là Thư ký Tòa án nhân dân huyện Phú Tân, tỉnh An Giang.

Ngày 21 tháng 3 năm 2025 tại Tòa án nhân dân huyện Phú Tân xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 576/2024/TLST-HNGĐ ngày 28 tháng 10 năm 2024 về việc Ly hôn, tranh chấp về nuôi con theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 30/2025/QĐXXST-HNGĐ ngày 04 tháng 3 năm 2025, giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: chị Huỳnh Thị A, sinh năm 1998, *(có đơn xin vắng mặt).*

Nơi thường trú: tổ C, ấp T, xã N, huyện T, tỉnh An Giang.

Số điện thoại: 0985. 832. 201

2. Bị đơn: anh Phan Văn K, sinh năm 1989, *(có đơn xin vắng mặt).*

Nơi thường trú: Số C, tổ F, ấp P, xã P, huyện P, tỉnh An Giang.

Số điện thoại: 0366. 670. 503

NỘI DUNG VỤ ÁN:

- Tại đơn khởi kiện ngày 01 tháng 08 năm 2024 và trong quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn chị Huỳnh Thị A trình bày:

+Về quan hệ hôn nhân: sau thời gian tìm hiểu về tình cảm, năm 2020 chị cùng anh Phan Văn K tự nguyện kết hôn, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã P, huyện P, tỉnh An Giang và được cấp Giấy chứng nhận kết hôn số 12/2020 ngày 03/02/2020. Vợ chồng sống có hạnh phúc, đến tháng 01 năm 2024 phát sinh mâu thuẫn về sinh hoạt gia đình, lúc này vợ chồng đang làm công nhân tại tỉnh Bình

Dương, trong lúc cự cãi chị có đuổi anh, sau đó chị có ý hàn gắn nhưng anh K không đồng ý. Chị và anh K chính thức ly thân từ tháng 01 năm 2024 đến nay. Nhận thấy tình cảm vợ chồng rạn nứt, chị yêu cầu được ly hôn với anh K.

+ Nuôi con chung: có 01 người con chung tên Phan Đăng K1, sinh ngày 10/10/2020, hiện tại do chị đang nuôi dưỡng, chị yêu cầu được tiếp tục nuôi cháu K1, không yêu cầu anh K cấp dưỡng nuôi con.

+ Chia tài sản và nợ chung: không có.

Ngày 21 tháng 11 năm 2024, chị Huỳnh Thị A có đơn đề nghị xét xử vắng mặt.

- *Tại Bản tự khai ngày 18/02/2025 của anh Phan Văn K (là bị đơn) trình bày:*

Sau thời gian tìm hiểu về tình cảm, năm 2020 anh và chị Huỳnh Thị A tự nguyện thành vợ chồng, có đăng ký kết hôn và được cấp giấy chứng nhận kết hôn như chị A trình bày trên. Sau khi kết hôn anh và chị A cùng làm công nhân tại tỉnh Bình Dương, đầu năm 2024 phát sinh mâu thuẫn do chuyện sinh hoạt gia đình, chị A đuổi nên anh về quê (tổ F, ấp P, xã P, huyện P, tỉnh An Giang), sau đó chị A có hàn gắn tình cảm vợ chồng nhưng anh không đồng ý, anh chính thức ly thân với chị A từ tháng 01 năm 2024. Nay, chị A yêu cầu ly hôn thì anh đồng ý ly hôn.

Nuôi con chung: có 01 người con chung tên Phan Đăng K1, sinh ngày 10/10/2020, hiện tại do chị A đang nuôi dưỡng, anh đồng ý giao cháu K1 cho chị A tiếp tục nuôi, do chị A không yêu cầu cấp dưỡng nên anh không cấp dưỡng nhưng anh vẫn sẽ lo cho con chung khi có điều kiện.

Chia tài sản và nợ chung: không có.

Ngày 18 tháng 02 năm 2025 anh Phan Văn K có đơn đề nghị xét xử vắng mặt.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về thủ tục tố tụng: chị Huỳnh Thị A khởi kiện yêu cầu ly hôn anh Phan Văn K, Tòa án thụ lý giải quyết là đúng thẩm quyền theo quy định tại khoản 1 Điều 28 Bộ luật Tố tụng dân sự. Chị A và anh K đều có đơn đề nghị xét xử vắng mặt. Theo quy định tại khoản 1 Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự Tòa án vẫn tiến hành xét xử vụ án vắng mặt chị A và anh K.

[2] Về nội dung giải quyết vụ án:

[2.1] Hôn nhân của chị A và anh K hợp pháp, vì có đăng ký kết hôn theo quy định của Luật Hôn nhân và gia đình. Xét tình trạng hôn nhân của anh chị thấy rằng, hai bên có mâu thuẫn và có thời gian dài ly thân, chị A yêu cầu ly hôn, anh K đồng ý ly hôn. Căn cứ khoản 1 Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014, Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu của chị A, cho ly hôn giữa chị A và anh K.

[2.2] Nuôi con chung: chị A và anh K cùng ý kiến giao Phan Đăng K1, sinh ngày 10/10/2020 cho chị A nuôi. Căn cứ khoản 2 Điều 81 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014, Hội đồng xét xử giao cháu Phan Đăng K1, sinh ngày 10/10/2020 cho chị A nuôi dưỡng. Tại khoản 2 Điều 82 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014

quy định: "*Cha, mẹ không trực tiếp nuôi con có nghĩa vụ cấp dưỡng cho con*", nhưng chị A không yêu cầu anh K cấp dưỡng cho con là tự nguyện của chị, Hội đồng xét xử không xem xét.

[2.3] Căn cứ khoản 3 Điều 82, Điều 83, 84, 116 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014 anh K không trực tiếp nuôi con, anh có quyền và nghĩa vụ thăm nom con chung mà không ai được cản trở; vì lợi ích của con khi cần thiết một hoặc cả hai bên có quyền yêu cầu Tòa án thay đổi việc nuôi con hay việc cấp dưỡng nuôi con.

[2.4] Chia tài sản: hai bên đương sự trình bày không có, Tòa án không đề cập.

Nợ chung: không có.

[3] Án phí hôn nhân sơ thẩm, chị A phải chịu án phí theo quy định tại khoản 4 Điều 147 Bộ luật Tố tụng dân sự; điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

- Căn cứ vào khoản 1 Điều 56, khoản 2 Điều 81, khoản 3 Điều 82, Điều 83, 84, 116 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014;

- Căn cứ khoản 4 Điều 147, khoản 1 Điều 273 Bộ luật Tố tụng dân sự;

- Căn cứ điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hộivề mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Về hôn nhân: cho ly hôn giữa chị Huỳnh Thị A và anh Phan Văn K.

2. Nuôi con chung: giao 01 người con chung tên Phan Đăng K1, sinh ngày 10/10/2020 cho chị Huỳnh Thị A tiếp tục nuôi dưỡng, hiện tại do chị A đang nuôi dưỡng cháu K1. Anh Phan Văn K không phải cấp dưỡng nuôi con.

Anh Phan Văn K không trực tiếp nuôi con, anh có quyền và nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở.

Vì lợi ích của con khi cần thiết một hoặc cả hai bên có quyền yêu cầu Tòa án thay đổi việc nuôi con hay việc cấp dưỡng cho con.

3. Chia tài sản và nợ chung: không có.

4. Án phí hôn nhân sơ thẩm: chị Huỳnh Thị A phải chịu 300.000đ, được trừ vào tiền tạm ứng án phí đã nộp 300.000đ theo biên lai thu tiền số 0011468 ngày 22 tháng 10 năm 2024 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Phú Tân, tỉnh An Giang.

5. Các đương sự có quyền làm đơn kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự./.

Nơi nhận:
- Các đương sự;
- VKSND huyện Phú Tân;
- Chi cục THADS H. Phú Tân;
- UBND xã Phú Thạnh,
Huyện .Phú Tân, tỉnh An Giang;
- Lưu hồ sơ vụ án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Hồ Thị Kim Phương